

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2017/HSST

Ngày: 22- 6- 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Phạm Ngọc Túy**

2- Bà **Nguyễn Thị Huệ**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đăng Hạnh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoà**- Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 6 năm 2017, tại Rạp 19/5 Trung tâm văn hoá thể thao huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2017/HSST ngày 15 tháng 5 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/HSST- QĐXX ngày 12 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1988 tại xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; bố đẻ: không rõ; mẹ đẻ: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955; vợ, con: chưa có; tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 30/2005/HSST ngày 29/7/2005 của TAND huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt Nguyễn Mạnh T 01 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Đến ngày 25/01/2006 T chấp hành xong hình phạt tù. Hiện đã được xoá án tích.

Tại quyết định số 15499/QĐ- UBND ngày 28/12/2010 của Chủ tịch UBND quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đưa Nguyễn Mạnh T vào cơ sở chữa bệnh trong thời gian 24 tháng kể từ ngày 17/12/2010 đến ngày 17/12/2012 T chấp hành xong, hiện đã hết thời hiệu.

Bị bắt tạm giam từ ngày 02/3/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (*Bị cáo có mặt tại phiên toà*)

- Người bị hại:

1- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1970

Trú quán: Tổ 13, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2- Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1969

Trú quán: Tổ 13, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1972

Trú quán: Thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình

(Chị L, anh T và anh S đều vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 09 giờ ngày 05/5/2016, T đi bộ từ nhà ra đường 10 bắt xe buýt sang thị trấn Q, huyện Q mục đích mua ma túy về sử dụng và xem có ai sơ hở thì trộm cắp. T mang theo 01 văm phá khoá bằng kim loại dài 08cm có đặc điểm hình lục giác, 01 cờ lê trông số 08 bằng kim loại dài 12cm. T đi xe buýt đến khu vực cầu M thuộc địa phận thị trấn Q thì xuống xe đi tìm nơi mua ma túy nhưng không mua được. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, T đi bộ đến đoạn đường Đ thuộc tổ 13 thị trấn Q (gần cầu M) thì phát hiện thấy có 01 chiếc xe mô tô Wave nhãn hiệu NaGaKi sơn màu xanh, biển kiểm soát 17K1- xxxx của Chị Nguyễn Thị L dựng ở trong ngõ sát tường nhà, xung quanh vắng người qua lại nên T đã đến dùng văm phá khoá và cờ lê vặn mở được ổ khoá điện của chiếc xe rồi cất văm và cờ lê đi. T đã điều khiển chiếc xe đi về hướng ngã ba Đ. Trên đường đi, T đã dùng cờ lê tháo vát chiếc biển kiểm soát của chiếc xe xuống sông và đập vỡ phần vỏ nhựa của xe rồi điều khiển xe đi về hướng xã P, huyện Đ. Khi đi đến nhà Anh Nguyễn Văn S thì thấy nhà anh S mua bán phế liệu nên T đi xe vào hỏi anh S có mua xe không. Anh S nói không mua vì sợ xe trộm cắp thì T nói “*Chú không tin cháu sao, nhà cháu ở gần đây, cháu ở thôn B, N. Xe này bố cháu mua về để kéo lúa nhưng nó hỏng nên cháu mang đi bán đồng nát*”. Anh S nghe T nói vậy nên đồng ý mua chiếc xe với số tiền 600.000 đồng. Số tiền này T chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ ngày 23/6/2016 T mang theo văm phá khoá và cờ lê đi xe buýt đến cánh đồng thuộc địa phận thôn T, xã Q, huyện Q thấy có đông người đang ngồi xem diễn tập quân sự nên T xuống xe và ngồi xem được khoảng 01 giờ đồng hồ thì phát hiện có 01 xe mô tô kiểu dáng Dream, nhãn hiệu Honda, sơn màu nâu, biển kiểm soát 17F3- xxxx của Anh Nguyễn Xuân T để ở gốc cây si cạnh đường không có

người trông coi. T đã đến dùng vạm và cờ lê vặn mở được ổ khoá điện rồi nổ máy điều khiển xe đi về hướng ngã ba Đ. Trên đường đi, T đã dùng cờ lê tháo vát biển kiểm soát xe xuống sông và đập vỡ phần yếm và bụng xe. T đã điều khiển chiếc xe đến nhà anh S và tiếp tục nói với anh S là xe của nhà hồng nên anh S đã đồng ý mua chiếc xe với số tiền 600.000 đồng. Số tiền này T chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 18/02/2017, khi T đi sang huyện Q để tìm tài sản trộm cắp thì bị Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu T về trụ sở Công an huyện để làm việc. Tại cơ quan điều tra, kiểm tra thu giữ trong túi quần hậu của T có 01 vạm phá khoá và 01 cờ lê, T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Ngày 22/02/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quỳnh Phụ, kết luận:

- 01 chiếc xe mô tô Wave nhãn hiệu NaGaKi sơn màu xanh, biển kiểm soát 17K1-xxxx, trị giá tài sản là: 2.300.000 đồng.

- 01 xe mô tô kiểu dáng Dream, nhãn hiệu Honda, sơn màu nâu, biển kiểm soát 17F3-xxxx, trị giá tài sản là: 8.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 42/KSĐT ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Mạnh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Mạnh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Mạnh T. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46; các Điều 33, 45 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T từ 15 đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh T phải bồi thường cho Chị Nguyễn Thị L số tiền 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng) và bồi thường cho Anh Nguyễn Xuân T số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu huỷ vật chứng gồm: 01 vạm phá khoá và 01 cờ lê đều bằng kim loại.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo Nguyễn Mạnh T đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào các ngày 05/5/2016 và ngày 23/6/2016, gồm: 01 chiếc xe mô tô Wave nhãn hiệu NaGaKi sơn màu xanh, biển kiểm soát 17K1- xxxx của Chị Nguyễn Thị L, trị giá 2.300.000 đồng và 01 xe mô tô kiểu dáng Dream, nhãn hiệu Honda, sơn màu nâu, biển kiểm soát 17F3-xxxx của Anh Nguyễn Xuân T, trị giá 8.000.000 đồng. T đã bán hai chiếc xe này cho Anh Nguyễn Văn S lấy 1.200.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết. Tổng trị giá 02 chiếc xe mô tô T đã trộm cắp là 10.300.000 đồng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với nội dung bản cáo trạng và được chứng minh bằng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài sản; sơ đồ hiện trường; biên bản kết luận định giá tài sản; lời khai của những người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự có khung hình phạt: cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có nhân thân xấu, bản thân bị nghiện ma túy và đã từng bị Toà án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” vào năm 2005; bị Chủ tịch UBND quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh trong thời hạn 24 tháng vào năm 2010. Mặc dù bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù của bản án và 24 tháng tại cơ sở chữa bệnh nhưng bị cáo không nhận thức, cải tạo bản thân mà vẫn tiếp tục trộm cắp tài sản để lấy tiền mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh và ý thức coi thường pháp luật. Chính vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo bị cáo.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy:

Với hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội nhiều lần*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều

48 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Thành khẩn khai báo*” theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên toà đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là Chị Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe bị cáo đã trộm cắp là 2.300.000 đồng; Anh Nguyễn Xuân T yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe là 8.000.000 đồng. Cần buộc bị cáo phải bồi thường cho Chị L và anh Tsố tiền như đã nêu là phù hợp pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Hai chiếc xe mô tô T trộm cắp của Chị L và anh T đã bán cho Anh Nguyễn Văn S, sau đó anh S đã bán cho người thu mua phế liệu không quen biết nên cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với vật chứng bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội đã thu giữ gồm: 01 vạm phá khoá bằng kim loại dài 08cm có đặc điểm hình lục giác, 01 cờ lê tròn số 08 bằng kim loại dài 12cm, đều không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu huỷ là phù hợp với Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với Anh Nguyễn Văn S là người đã mua 02 chiếc xe mô tô của bị cáo, khi mua anh S không biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có, do đó cơ quan điều tra không xử lý đối với anh S là có căn cứ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- **Tuyên bố:** Bị cáo **Nguyễn Mạnh T** phạm tội “***Trộm cắp tài sản***”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; các Điều 45, 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T **01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2017.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh T phải bồi thường cho Chị Nguyễn Thị L số tiền **2.300.000 đồng** (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng*) và bồi thường cho Anh Nguyễn Xuân T số tiền **8.000.000 đồng** (*Tám triệu đồng*).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bị cáo không thi hành khoản tiền trên, thì bị cáo còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trở lại hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự,

Tuyên tịch thu để tiêu huỷ vật chứng gồm: 01 vạm phá khoá bằng kim loại dài 08cm có đặc điểm hình lục giác, 01 cờ lê tròn số 08 bằng kim loại dài 12cm.

Vật chứng trên đang được chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ ngày 15/5/2017.

- Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Bị cáo Nguyễn Mạnh T phải nộp số tiền **200.000 đồng** án phí hình sự sơ thẩm và số tiền **515.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là **715.000 đồng** (Bảy trăm mười lăm nghìn đồng).

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Công an huyện Quỳnh Phụ;
- Những người TGTT khác;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng